

NIẾT BÀN

Niết Bàn thường được nói tới như cái đích tối hậu của tất cả mọi người hành trì Phật pháp. Hầu hết Phật tử đều quan niệm rằng cứ gắng học, gắng tu sẽ có một ngày nào đó, ở vào một kiếp nào đó, được nhập Niết Bàn. Đức Phật có nói rằng Ngài là Phật đã thành và chúng sinh là Phật sẽ thành. Hành ĐẠO và đạt ĐẠO để được nhập vào cảnh giới Niết Bàn, cũng chẳng khác gì đi từ điểm A đến điểm B. Ai khởi hành trước và ra sức đi nhanh thì đến trước, ai khởi hành sau lại đi chậm thì đến sau. Ai không khởi hành thì mãi mãi không bao giờ đến. Nghĩa là tất cả mọi người đều có khả năng đi từ A đến B. Nhưng đến trước, đến sau, hay chẳng bao giờ đến thì cũng tùy mình. Nói khác đi, ai cũng có khả năng thành Phật và được nhập Niết Bàn., lâu mau cũng tùy nhiệt tâm, nhiệt tình của mỗi người. Nhưng Niết Bàn là gì và ra sao?

Một số đông thường quan niệm rằng Niết Bàn là một cõi (cõi Niết Bàn). Cõi ấy ở đâu thì không biết, nhưng không ở trần gian này. Cõi ấy chỉ dành

cho những người thánh thiện, những vị tu hành đắc đạo. Còn những người đầy thói hư, tật xấu, nặng óc tham, sân, si, thì chẳng bao giờ bén mảng được tới cõi ấy. Muốn lên được cõi Niết Bàn, phải tu luyện để trở thành thánh thiện, nghĩa là phải qua một quá trình dài lâu, có thể nhiều kiếp, nhiều đời, phải kiên trì, tinh tấn loại trừ dần thói hư, tật xấu, diệt dần tham, sân, si, mỗi ngày một chút, tích tiểu thành đại, rồi một ngày nào đó, đạo đủ, đức đầy thì mới bước chân vào cõi ấy được. Con đường đi đến Niết Bàn dài xa lắc lợ, nhưng mỗi ngày nhích lại một chút, khoảng cách thu ngắn dần, lâu rồi cũng tới. Đi lên Niết Bàn cũng như một phi hành gia đổ bộ lên một thiên thể, phải có phương tiện và thời gian để vượt một khoảng không gian nào đó. Phương tiện của phi hành gia là các loại hỏa tiễn, còn phương tiện của hành giả là công đức tu hành. Công đức kia phải tu học lâu ngày mới viên thành được. Góp gió thành bão. Chiếc bong bóng, nếu không bơm đầy khinh khí vào, thì nó đâu có thể cất mình bay cao. Khinh khí trong bong bóng tượng trưng cho công đức tu hành.

Nếu Niết Bàn là một cõi, thì cõi ấy thế nào? -- Chắc chắn ta chẳng thể biết được Niết Bàn ra sao, khi chúng ta chỉ mới "Văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình", nghĩa là chỉ nghe nói chứ chưa thấy được hình tướng. Ta chỉ biết được Niết Bàn khi đã thật

sự bước chân vào cảnh giới ấy. Kinh sách có thể mô tả Niết Bàn, nhưng hiểu biết Niết Bàn qua kinh sách thì cũng chẳng khác gì ta hiểu biết khung cảnh và cuộc sống xứ người qua thư từ của bạn bè, thân thuộc đi định cư ở nước ngoài gửi về. Đọc thư hoài, cả trăm, cả ngàn, mà ta thật sự có biết gì về xứ người đâu. Ngôn từ là vọng. Tin vào ngôn từ, hiểu biết qua ngôn từ thì chỉ là bám níu vào các ảo ảnh mà thôi. Nhưng không tin vào ngôn từ thì cũng không được.

Trong Phật học có chuyện ngụ ngôn rùa và cá. Rùa là loài lưỡng thể, vừa sống trên cạn, vừa sống dưới nước. Còn cá thì chỉ sống dưới nước thôi. Một hôm gặp cá, rùa có khoe với cá là vừa đi dạo trên vùng đất khô về. Cá ngạc nhiên và tò mò muốn biết đất khô là gì, nên cá mới đưa ra một số câu hỏi để rùa giải đáp hầu giúp cá biết được thế nào là vùng đất khô. Cá hỏi:

- Đất khô có ẩm ướt không?
- Đất khô có mát mẻ, êm dịu không?
- Đất khô có trong suốt và ánh sáng xuyên qua được không?
- Đất khô có mềm mại, dễ bơi lội ở trong được không?
- Đất khô có di chuyển và chảy thành dòng không?
- Đất khô có nổi sóng và sủi bọt không?

Câu hỏi nào của cá, rùa cũng trả lời không. Vì thế, cá bèn kết luận chẳng làm gì có vùng đất khô như rùa nói và cho rằng rùa chỉ nói những điều đặt bày, đối trá mà thôi.

Cá chỉ biết có nước, nên rùa có nói gì đi nữa, có giải thích dài dòng đến mấy đi nữa, thì cá cũng chẳng thể biết được đất khô là như thế nào. Đất khô là chân kiện, rùa đâu có thể dùng ngôn từ mà mô tả được chân kiện. Đất khô là đất khô. Chân kiện là chân kiện. Cá có đặt bao nhiêu câu hỏi nữa và được rùa trả lời tất cả những câu hỏi ấy, thì cá cũng chẳng thể có được cái biết về vùng đất khô như rùa. Cá nếu chỉ thấy biết vùng đất khô qua lời rùa thì sai. Vì cái không ẩm ướt, không mát mẻ, không êm dịu, không trong suốt và ánh sáng không xuyên qua được, không chảy thành dòng và không nổi sóng, sủi bọt vẫn chẳng phải là đất khô. Còn nếu cá cho rằng rùa đặt bày đối trá thì cũng không đúng vì đất khô là cái thật có, nên mới nói chấp ngôn từ, văn tự là sai, mà lìa ngôn từ, văn tự cũng thật là vậy.

Rùa từ vùng đất khô trở về nói về đất khô cho cá nghe. Đức Phật sau khi chứng đắc Niết Bàn nói về Niết Bàn cho chúng sinh nghe. Niết Bàn đối với chúng sinh cũng như vùng đất khô đối với cá là những gì thật có. Nhưng cá chỉ thật sự biết đất khô là gì khi đã ra sức vươn mình nhảy lên bờ. Và

chúng sinh muốn biết Niết Bàn là gì thì cũng phải thân nhập vào cảnh giới ấy mới có được cái thấy biết chân thật và đầy đủ về Niết Bàn.

Đúng vậy, chúng ta đã chẳng thể hiểu biết Niết Bàn qua ngôn từ, văn tự và chúng ta cũng chẳng thể hiểu biết Niết Bàn qua suy nghĩ, tư duy. Mọi suy nghĩ của chúng ta về Niết Bàn chắc chắn không đúng. Ta suy nghĩ về Niết Bàn thì cũng giống như người mù suy nghĩ về ánh sáng. Dù suy nghĩ bao lâu đi nữa thì người mù cũng chẳng thể nào biết được ánh sáng như người sáng mắt. Nhưng thói thường ta lại ưa suy nghĩ về những gì mà ta chưa biết và chấp nhận những điều mình suy tư là đúng. Rõ ràng lấy vọng làm chân! Ta đâu có biết rằng tư tưởng thì luôn luôn xưa cũ, còn cái ta chưa biết thì lại là những gì mới mẻ, **nên ta chẳng thể lấy cái cũ mà hiểu biết cái mới được.** Chẳng hạn như nay ta không biết Niết Bàn là gì, ta liền tập trung suy nghĩ về Niết Bàn. Ta đang ở cõi Ta Bà (*) và chỉ có kiến thức về cõi Ta Bà mà thôi. Nếu suy tư về Niết Bàn thì ta cũng chẳng làm gì hơn là phóng ra một cảnh giới nghịch đảo với cõi Ta Bà và cho đó là Niết Bàn. Ta Bà dơ bẩn, thì Niết Bàn thanh tịnh, Ta Bà khổ đau thì Niết Bàn hạnh phúc, Ta Bà vô thường thì Niết Bàn hữu thường, v.v... Ta Bà và Niết Bàn như vậy có một tương quan nhân quả. Vì có Ta Bà dơ bẩn, khổ đau, vô thường nọ,

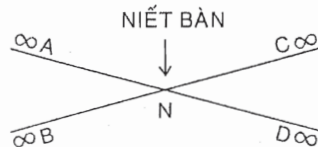
nên mới có Niết Bàn thanh tịnh, hạnh phúc và hữu thường kia.

Nếu Niết Bàn còn được quan niệm là một cõi nào đó và con người phải cần có thời gian tu học mới lên tới cõi đó và cõi đó với thế gian này lại có tương quan nhân quả thì ta còn bị thời gian tâm lý, không gian tâm lý và nhân quả trói buộc, và do đó phiền não, khổ đau và sợ hãi còn nhiều và chẳng bao giờ ta tới Niết Bàn được. Một tác giả Tây phương đã minh họa Niết Bàn như sau:

Ông ta vẽ một tam giác ba cạnh đều, một cạnh là cạnh thời gian tâm lý, một cạnh là cạnh không gian tâm lý và một cạnh là cạnh nhân quả. Vùng trong tam giác giới hạn bởi ba cạnh tượng trưng cho cõi Ta Bà, còn vùng ngoài tam giác tượng trưng cho Niết Bàn, vì ở vùng này con người đã thoát khỏi sự ràng buộc của không gian tâm lý, thời gian tâm lý và nhân quả, nghĩa là con người không còn bị chi phối bởi tư tưởng, mẹ đẻ của phiền não, khổ đau và sợ hãi nữa.



Còn một lối minh họa Niết Bàn khác như sau:



Ta vẽ 2 góc nhọn: góc nhọn ANB tượng trưng cho quá khứ, góc nhọn CND tượng trưng cho tương lai. Vẽ như thế vì tương lai do tư tưởng phóng chiếu ra thường nghịch đảo với quá khứ như đã trình bày ở bài 1. Dấu ∞ là dấu vô cực.

Điểm N là điểm phi thời gian tâm lý vì ở đó không có quá khứ, không có tương lai. Tại điểm N này tâm của hành giả là tâm vô trụ, tâm vô nhiễm, tâm nhất tướng, tâm thanh tịnh, chân tâm v.v.... Ta muốn gọi là gì cũng được, nhưng tại đó hành giả có một tâm thái an nghỉ, tĩnh lặng, sáng suốt. Tâm thái ấy chính là Niết Bàn.

Nói như thế và minh họa như thế để thấy rằng Niết Bàn chẳng phải đâu xa, Niết Bàn chẳng phải là một cõi cách biệt mà Niết Bàn ở ngay trước mặt. Khi ta thoát khỏi vòng trói buộc của không gian tâm lý, thời gian tâm lý, nhân quả, nghĩa là khi ta sống trọn vẹn với hiện tiền, tức đã phi tư tưởng thì ta thật sự nhập Niết Bàn, nhập tức thì, nhập ngay cõi đời này, với xác thân này. Và một khi nhập rồi thì ta mới biết được Niết Bàn là gì và như thế nào.

Thiền Tông Trung Hoa có câu chuyện này: một Thiền sinh bữa nọ hỏi một Thiền sư rằng trong kinh LĂNG NGHIÊM có câu:

"Thập phương Bạc Già Phạm nhất lộ Niết Bàn môn".

Nghĩa là chư Phật mười phương đã theo con đường duy nhất này (con đường do kinh chỉ dạy) mà tới Niết Bàn. Đã nói là con đường tất có đầu đường và cuối đường. Niết Bàn là cuối đường, là cái đích mà những người hành trì Phật pháp theo chân chư Phật mười phương nhắm tới. Nhưng để đi tới cái đích ấy, phải khởi từ chỗ nào?

Thiền sư lấy cây trụ trượng đang cầm trong tay vạch lên hư không một đường ngang và nói: "ở chỗ này".

Thiền tông chủ trương bất lập văn tự và cũng ít dùng ngôn từ. Sự trao đổi giữa thầy trò đôi khi chỉ là một cử chỉ, một thái độ, chưa kể đến la hét, đánh đập, coi như một hình thức "dĩ tâm truyền tâm". Rồi ra thiền sinh kia cũng sẽ hiểu được rằng chẳng làm gì có con đường dẫn đến Niết Bàn. Danh từ "con đường" chẳng qua chỉ là một lối nói. Con đường đi tới Niết Bàn là con đường-không-đường, con đường hư không. Niết Bàn chẳng ở đâu xa. Niết Bàn ở ngay trước mặt. Niết Bàn là cuộc sống. Cứ sống trọn vẹn với cuộc sống nghĩa là sống trọn vẹn với hiện tiền, thì hành giả lập tức bước vào một thế giới trong đó tuyệt đối không có bóng dáng phiền não, khổ đau và sợ hãi. Thế giới ấy chính là Niết Bàn tại thế, một thế giới ngập tràn hạnh phúc

vĩnh cửu. Nói hạnh phúc vĩnh cửu là cốt để phân biệt với hạnh phúc phù du, chốc lát của thế gian.

Đúng vậy, hạnh phúc Niết Bàn khác xa với hạnh phúc thế gian. **Vì hạnh phúc thế gian là sự thỏa mãn một điều tham dục nào đó.** Nhưng một điều tham dục này vừa thỏa mãn, thì lập tức một điều tham dục khác lại nảy sinh, đẩy ta trở lại phiền não, khổ đau và sợ hãi. Như vậy hạnh phúc trần gian chỉ vừa chợt nháng lên đã vội tắt lịm. Khác với loại hạnh phúc tạm bợ, chốc lát của thế gian, **hạnh phúc Niết Bàn có tính vĩnh cửu vì do sự chấm dứt mọi tham dục mà có.** Tham dục là từ tư tưởng nảy sinh. Tư tưởng đã "phi" rồi thì mọi tham dục cũng ngưng dứt và hành giả đạt đến một loại hạnh phúc mãi mãi không phai lạt, mãi mãi không lụi tàn, hạnh phúc Niết Bàn. Chừng nào mà tư tưởng còn có mặt, thì Niết Bàn vẫn còn là gì xa lạ đối với ta, chẳng khác gì vùng đất khô đối với cá trong truyện ngụ ngôn trên.

Đúng thế, Niết Bàn là một từ phiên âm của từ Nam Phạn "Nibbàna" hay của từ Bắc Phạn "Nirvāna" gồm hai phần "Ni" và "Vāna". "Ni" có nghĩa là không, là phủ định, là phi. Còn "Vāna" có nghĩa là tham dục. Niết Bàn chẳng phải một cõi nào, mà chỉ là một tâm thái giải thoát thanh tịnh, do sự chấm dứt tham dục mà có.

Đem phân tích chữ Phật 佛 trong Hán tự, ta thấy người Trung Hoa từ ngàn xưa cũng đã nói lên cái ý này. Chữ Phật 佛 gồm có 3 phần: chữ nhân đứng 亻, chữ cung 弓 và 2 nét sổ dọc 丨. Chữ 亻 là con người. Chữ 弓 là cái cung, một loại vũ khí, chỉ sự tranh chấp. Hai nét sổ dọc 丨 chỉ sự loại bỏ. Con người một khi đã loại bỏ được mọi sự tranh chấp thì lập tức thành Phật, lập tức nhập Niết Bàn. Và ở thế gian này tranh chấp lớn nhỏ nào lại chẳng từ tham dục mà ra.

Đức Khổng Tử, một đại hiền triết Trung Hoa, trong sách Đại Học cũng đã dạy:

"Tri chỉ nhi hậu năng định".

Chữ "Chi" (止) có nghĩa là thôi, là dừng lại. "Tri Chi" là biết thôi, biết dừng lại, tức biết ngưng dứt tư tưởng, thì định được tâm. Và tâm một khi đã định thì lập tức có Niết Bàn ngay. Còn nếu quan niệm Niết Bàn là một cõi nào đó cách biệt với thế gian này thì còn lệ thuộc vào không gian tâm lý và thời gian tâm lý, tức là còn bị chi phối bởi tư tưởng thì chẳng bao giờ nhập Niết Bàn được.

Chúng ta hầu hết bị cuộc sống lôi kéo, cuốn hút, chạy theo mục tiêu này, rượt bắt ước muốn kia, nên luôn luôn chìm đắm trong phiền não, khổ đau và sợ hãi. Nhưng có một lúc nào đó, chúng ta thử tách khỏi cuộc sống quen thuộc này để sống một lối sống khác, dù chỉ trong chốc lát, một lối sống

không so chiếu, chuyện ai mặc nấy, chẳng vợ vào, chẳng chấp trước, không nuối tiếc quá khứ, không ngóng vọng tương lai, không hận thù, không đố kỵ, không yêu, không ghét, không nghĩ thiện, nghĩ ác, không nghĩ rủi may, thành bại, không sợ ước, sợ cầu, để tâm tư không một chút ràng buộc, vướng mắc. Nói ngắn lại, ta hãy thử sống hoàn toàn tự do, không để cho kiến thức và kinh nghiệm tích chứa trong ký ức khống chế, ảnh hưởng. Sống như thế chắc chắn chúng ta sẽ bắt gặp một cảnh giới không bút nào mô tả được, mà ngôn ngữ Phật Học gọi là Niết Bàn. Vâng, Niết Bàn là vậy, nó ở ngay trước mặt chúng ta. Chúng ta muốn vào lúc nào thì vào, muốn ra lúc nào thì ra, tùy ta. Chúng ta muốn ở bao lâu cũng được, chẳng cần phải lễ lạy hay cầu cạnh thế lực nào, chẳng cần sự giúp đỡ của bất cứ tổ chức lớn nhỏ nào, cũng chẳng cần một hình thức bề ngoài nào. Đi thẳng vào tâm! Trực chỉ Niết Bàn! Thật là đơn giản! Thật là dễ dàng!

Tóm lại, nếu có ai hỏi Niết Bàn là gì và làm thế nào nhập được Niết Bàn thì ta có thể trả lời ngắn gọn mà không sợ sai sót rằng khi tư tưởng ngưng dứt thì tham, sân, si vắng bóng, và hành giả lập tức nhập Niết Bàn, nhập rồi tất biết.

Trong Phật Học gọi loại Niết Bàn tại thế này là **Hữu Dư Niết Bàn**.(**) Hành giả có thể thân chứng loại Hữu Dư Niết Bàn này ngay tại cuộc sống này,

với thân xác này. Đây cũng là một điểm khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác. Theo các tôn giáo khác thì chỉ sau khi lâm chung, người có thiện tâm, có đức tin, mới được đấng Tối Cao đón về cảnh trời huy hoàng, vĩnh cửu và hạnh phúc tuyệt đối. Cảnh trời huy hoàng, vĩnh cửu và hạnh phúc tuyệt đối này tương tự như một loại Niết Bàn thứ hai mà Phật học gọi là **Vô Dư Niết Bàn**, một loại Niết Bàn chỉ chứng nghiệm được sau khi chết.

Vô Dư Niết Bàn hay cảnh trời huy hoàng, vĩnh cửu và hạnh phúc tuyệt đối thì ta không thể nghĩ bàn. Đức Phật cũng như các vị giáo chủ khác có nói với chúng ta về Vô Dư Niết Bàn hay cảnh trời huy hoàng, vĩnh cửu và hạnh phúc tuyệt đối thì cũng chẳng khác gì rùa nói với cá về vùng đất khô mà thôi.

Niết Bàn, dù Hữu Dư hay Vô Dư, nếu còn là cái đích để nhắm tới, còn là niềm ước mơ để ôm ấp, thì chẳng còn là Niết Bàn nữa mà chỉ là một loại dây oan cột buộc ta vào phiền não, khổ đau và sợ hãi mà thôi.

Cước Chú

(*) Ta Bà = (hay Sa Bà) là một cõi uế trước, đầy dẫy khổ hưởng, tai ương, trong đó chúng sinh sống hỗn tạp. Người tu hành chân chính và người ngay lành thì ít mà kẻ nguỵ trá, độc ác thì nhiều. Thế gian này, theo Phật học, là một cõi Ta Bà.

(**) Với Hữu Dư Niết Bàn thì khổ đau của tâm tuy đã vắng bóng, nhưng vẫn còn khổ đau của thân. Về phần Vô Dư Niết Bàn thì khổ đau của tâm cũng như khổ đau của thân đều hờn toàn sạch bóng.